

Địa chỉ: 324 đường L, phường R, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng M

Trụ sở: 38/11 đường J, Phường V, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1979; Chức danh: Giám đốc.

Ông Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 01/12/2021 của Nguyên đơn – Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Kỹ thuật C (sau đây gọi là Nguyên đơn) cùng trình bày của bà Nguyễn Thị Phương H, bà Mai Thị Vân A là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án thì: Ngày 30/11/2017 giữa Nguyên đơn và Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng M (sau đây gọi là Bị đơn) có ký Hợp đồng kinh tế số 204/2017/HĐKT-AC, giá trị hợp đồng là 280.000.000đ. Ngày 22/07/2019 hai bên ký tiếp Hợp đồng kinh tế số 219-2019/HĐKT-AC, giá trị hợp đồng là 585.000.000đ và ngày 10/10/2019 hai bên lý phụ lục hợp đồng số 57-2019/PLHĐ-AC theo đó hai bên chốt lại giá trị của Hợp đồng và Phụ lục là 631.400.750đ. Ngày 26/8/2019 hai bên ký tiếp Hợp đồng kinh tế số 161-2019/HĐKT-AC, giá trị hợp đồng là 800.000.000đ. Hai bên đã thực hiện đúng thỏa thuận của hợp đồng, đã nghiệm thu, theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/6/2020 thì Bị đơn còn nợ Nguyên đơn 485.751.450đ. Sau khi đối chiếu công nợ Bị đơn đã không trả tiền cho Nguyên đơn nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn phải:

1/ Thanh toán tiền còn thiếu của Hợp đồng kinh tế số 204-2017/HĐKT-AC ngày 30/11/2017 là 112.699.020đ (Một trăm mười hai triệu sáu trăm chín mươi chín ngàn không trăm hai mươi đồng), trong đó: (Nợ gốc: 78.350.700đ; Nợ lãi do chậm thanh toán đến ngày 01/12/2021 là: 28.080.264đ; Phạt do vi phạm hợp đồng đến ngày 25/11/2021 là: 6.268.056đ).

2/ Thanh toán tiền còn thiếu của Hợp đồng kinh tế số 129-2019/HĐKT-AC ngày 22/7/2019 là 298.849.715đ (Hai trăm chín mươi tám triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn bảy trăm mười lăm đồng), trong đó: (Nợ gốc: 247.400.750đ; Nợ lãi do chậm thanh toán đến ngày 01/12/2021 là: 31.656.905đ; Phạt do vi phạm hợp đồng đến ngày 25/11/2021 là: 19.792.060đ).

3/ Thanh toán tiền còn thiếu của Hợp đồng kinh tế số 161-2019/HĐKT-AC ngày 26/8/2019 là 204.320.960đ (Hai trăm linh bốn triệu ba trăm hai mươi ngàn chín trăm sáu mươi đồng), trong đó: (Nợ gốc: 160.000.000đ; Nợ lãi do chậm

thanh toán đến ngày 01/12/2021 là: 31.520.960đ; Phạt do vi phạm hợp đồng đến ngày 25/11/2021 là: 12.800.000đ).

Tổng số tiền Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả tạm tính đến ngày 01/12/2021 là 615.869.695đ (Sáu trăm mười lăm triệu tám trăm sáu mươi chín ngàn sáu trăm chín mươi lăm đồng).

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập ông Nguyễn Văn T là Người đại diện theo pháp luật của Bị đơn để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn Văn T đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Phương H là người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn vắng mặt, ông Nguyễn Văn T là Người đại diện theo pháp luật của Bị đơn vắng mặt.

Bà Mai Thị Vân A là Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn và Bị đơn có 03 Hợp đồng kinh tế và 01 phụ lục hợp đồng, tuy nhiên chỉ có Hợp đồng kinh tế số 204-2017/HĐKT-AC ngày 30/11/2017 hai bên đã ký vào hợp đồng. Đối với Hợp đồng kinh tế số 129-2019/HĐKT-AC ngày 22/7/2019 + phụ lục hợp đồng ngày 10/10/2019 và Hợp đồng kinh tế số 161-2019/HĐKT-AC ngày 26/8/2019 hai bên chưa ký do giữa hai bên có quan hệ làm ăn đã lâu, có bảng báo giá, biên bản nghiệm thu nên hai bên vẫn thực hiện theo thỏa thuận mặc dù không ký hợp đồng. Ngày 18/6/2020, hai bên đã đối chiếu công nợ, nhưng từ đó đến nay Bị đơn không thanh toán cho Nguyên đơn nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn phải thanh toán 485.751.450đ nợ gốc; Đối với yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng, trước đây Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải chịu phạt 8% giá trị hợp đồng là 38.860.116đ, nay Nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu, chỉ yêu cầu Bị đơn phải chịu phạt 5% giá trị của Hợp đồng số 204-2017/HĐKT-AC ngày 30/11/2017 là 14.000.000đ; Đối với phần tiền lãi do chậm thanh toán, trước đây Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền lãi 10%/năm trên số ngày chậm thanh toán theo từng hợp đồng, tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán tiền lãi 10%/năm từ ngày 19/6/2020 đến nay là 108.739.348đ. Tổng số tiền Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán là 608.490.798đ, Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng

các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện “tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng” với Bị đơn do Bị đơn có trụ sở tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu của Nguyên đơn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Phương H vắng mặt, bà Mai Thị Vân A có mặt, tuy nhiên việc vắng mặt của bà H không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án do Nguyên đơn ủy quyền cho bà H hoặc và bà Vân A. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[4] Đối với yêu cầu Bị đơn phải thanh toán 485.751.450đ nợ gốc của Nguyên đơn.

Căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 204-2017/HĐKT-AC ngày 30/11/2017 đã ký giữa Nguyên đơn, Bị đơn thể hiện hai bên có giao dịch về việc thi công với nhau.

Căn cứ vào Biên bản đối chiếu công nợ giữa Nguyên đơn, Bị đơn ngày 18/6/2020 thì sau khi đối chiếu sổ sách, chứng từ có liên quan Bị đơn xác nhận còn nợ Nguyên đơn 485.751.450đ.

Căn cứ Đơn xin trình bày ngày 13/6/2022 của ông Nguyễn Văn T là Người đại diện theo pháp luật của Bị đơn thì Bị đơn xác nhận đã nhận được bảng báo

công nợ của Nguyên đơn, nhưng cho tới hôm nay vẫn chưa thanh toán được cho Nguyên đơn là do Bị đơn chưa nhận đủ tiền từ chủ đầu tư; Do thay đổi nhân sự nên nhiều hồ sơ, giấy tờ liên quan bị thất lạc nên làm hồ sơ quyết toán một số công trình gặp khó khăn; Bản thân khi thi công không may bị tai nạn lao động, đi lại khó khăn, đến khi bình phục thì xảy ra đại dịch Covid 19 nên Bị đơn rất khó khăn về tài chính. Trong tháng 7/2022 nếu chủ đầu tư thanh toán cho Bị đơn thì Bị đơn sẽ thanh toán đầy đủ cho Nguyên đơn, nếu chủ đầu tư không trả thì trong quý 4/2022 Bị đơn xin trả 50% công nợ cho Nguyên đơn và hết quý 1/2023 sẽ thanh toán đầy đủ công nợ cho Nguyên đơn.

Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở xác định Bị đơn còn nợ Nguyên đơn 485.751.450đ nên Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả 485.751.450đ là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận và buộc Bị đơn phải có trách nhiệm trả cho Nguyên đơn 485.751.450đ nợ gốc.

[5] Đối với yêu cầu Bị đơn phải thanh toán 14.000.000đ tiền phạt vi phạm hợp đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ thỏa thuận của Nguyên đơn, Bị đơn tại Hợp đồng kinh tế số 204-2017/HĐKT-AC ngày 30/11/2017 thì giá trị của hợp đồng là 280.000.000đ. Điều VII của Hợp đồng quy định trách nhiệm của các bên quy định nếu Bị đơn thanh toán trễ sẽ bị phạt 0,5% tổng giá trị hợp đồng mỗi ngày, tổng mức phạt không quá 5% giá trị hợp đồng. Do đó, phần phạt hợp đồng mà Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn là: $280.000.000đ \times 5\% = 14.000.000đ$.

Tại phiên tòa, đại diện Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải thanh toán 14.000.000đ tiền phạt vi phạm hợp đồng của Hợp đồng kinh tế số 204/2017/HĐKT-AC ngày 30/11/2017 là phù hợp quy định của pháp luật cũng như thỏa thuận của các bên. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn, buộc Bị đơn phải trả cho Nguyên đơn 14.000.000đ tiền phạt vi phạm hợp đồng.

[6] Đối với yêu cầu Bị đơn phải thanh toán 108.739.348đ tiền lãi do chậm thanh toán. Hội đồng xét xử xét thấy:

Điều 306 Luật Thương Mại năm 2005 quy định: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Theo biểu lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng là tổ chức (doanh nghiệp) của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) là 9%/năm, của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á là 10,14%/năm và của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) là 11,5%/năm. Như vậy, lãi suất trung bình của 3 ngân hàng trên là 10,2%/năm, lãi quá hạn là 15,3%/năm.

Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 18/6/2020 thì Bị đơn còn nợ Nguyên đơn 485.751.450đ, nên Bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán lãi quá hạn cho Nguyên đơn là 15.3%/năm trên số tiền 485.751.450đ. Do Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên thời gian tính lãi được tính từ sau ngày hai bên đối chiếu công nợ, Bị đơn phải có trách nhiệm trả lãi cho Nguyên đơn từ ngày 19/6/2020 đến ngày 23/9/2022 (ngày xét xử sơ thẩm) là 27 tháng 4 ngày: $485.751.450đ \times 15.3\%/năm \times 27 \text{ tháng } 4 \text{ ngày} = 168.045.714đ$.

Nay Nguyên đơn chỉ yêu cầu Bị đơn trả lãi 10%/năm trên số tiền 485.751.450đ từ ngày 19/6/2020 đến ngày 23/9/2022 là 108.739.348đ, là phù hợp quy định của pháp luật, có lợi cho Bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn. Buộc Bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho Nguyên đơn 108.739.348đ tiền lãi.

[7] Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là không trái quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[8] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Tại Đơn khởi kiện ngày 01/12/2021, Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả 38.860.116đ tiền phạt vi phạm hợp đồng của 03 hợp đồng kinh tế và phụ lục hợp đồng. Tại phiên tòa, đại diện Nguyên đơn xin rút 1 phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Bị đơn phải trả 14.000.000đ tiền phạt vi phạm của Hợp đồng kinh tế số 204-2017/HĐKT-AC ngày 30/11/2017.

Xét thấy: Việc rút yêu cầu của Nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 217, Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu Bị đơn phải trả 24.860.116đ tiền phạt vi phạm hợp đồng của Nguyên đơn. Nguyên đơn không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ.

[9] Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại Nguyên đơn 14.317.380đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, Bị đơn phải chịu 28.339.631đ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 30; điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 297; Điều 300; Điều 301 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn - Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Kỹ thuật C.

1.1 Buộc Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng M phải thanh toán cho Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Kỹ thuật C số tiền 608.490.798đ (Sáu trăm linh tám triệu bốn trăm chín mươi ngàn bảy trăm chín mươi tám đồng), bao gồm: 485.751.450đ nợ gốc; 108.739.348đ tiền lãi do chậm thanh toán và 14.000.000đ tiền phạt vi phạm hợp đồng.

1.2 Đình chỉ yêu cầu của Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Kỹ thuật C về việc yêu cầu Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng M phải trả 24.860.116đ (Hai mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi ngàn một trăm mười sáu đồng) tiền phạt vi phạm hợp đồng.

2/ Về thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3/ Về địa điểm thanh toán: Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4/ Về án phí: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng M phải chịu 28.339.631đ (Hai mươi tám triệu ba trăm ba mươi chín ngàn sáu trăm ba mươi một đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Kỹ thuật C 14.317.380đ (Mười bốn triệu ba trăm mười bảy ngàn ba trăm tám mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0030977 ngày 11/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

5/ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

6/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

7/ Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH Xây dựng Dịch vụ Kỹ thuật C có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng M có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

8/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương